UBND HUYỆN VĨNH THẠNH **BAN QL RỪNG PHÒNG HỘ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 79 /QĐ-BQLRPH	*Vĩnh Thạnh, ngày 01 tháng 04 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng, giai đoạn 2024 - 2030

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ VĨNH THẠNH

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật Phòng cháy chữa cháy ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy ngày 22/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Lực lượng Chuyên trách bảo vệ rừng Ban Quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng Ban Quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh, giai đoạn 2024 - 2030 *(có Phương án kèm theo).*

Điều 2. Giao Ban chỉ huy Phòng cháy chữa cháy rừng Ban Quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh triển khai thực hiện đúng nội dung Phương án được phê duyệt và các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, các bộ phận chuyên môn, các Trạm Quản lý bảo vệ rừng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND huyện (b/c);
- Hạt kiểm lâm (Phối hợp);
- UBND các xã, thị trấn (Phối hợp);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ

Trần Phước Phi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN
PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG
GIAI ĐOẠN 2024 – 2030

ĐƠN VỊ: BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ VĨNH THẠNH
ĐỊA CHỈ: THỊ TRẤN VĨNH THẠNH, HUYỆN VĨNH THẠNH, TỈNH BÌNH ĐỊNH
ĐIỆN THOẠI: 02563.682959

---***0***---

UBND HUYỆN VĨNH THẠNH
BAN QL RỪNG PHÒNG HỘ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN
PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG
GIAI ĐOẠN 2024 – 2030

(Kèm theo Quyết định số 79 /QĐ-BQLRPH ngày 01 tháng 04 năm 2024 của Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh)

Phần I:
CƠ SỞ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Sự cần thiết phải xây dựng phương án:

Vĩnh Thạnh là huyện miền núi, nằm phía tây tỉnh Bình Định, có diện tích tự nhiên 71.690,67 ha, trong đó diện tích quy hoạch cho lâm nghiệp 57.774ha. Ban quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh hiện đang quản lý sử dụng 32.131,06 ha diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn Huyện thuộc các xã Vĩnh Sơn, Vĩnh Kim, Vĩnh Hảo, Vĩnh Thuận, Vĩnh Quang, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Hòa, phía tây giáp huyện Kbang và thị xã An Khê - tỉnh Gia Lai, phía đông giáp huyện An Lão, Hoài Ân, Tây Sơn - tỉnh Bình Định.

Cháy rừng là một thảm họa gây tác hại về kinh tế xã hội, về môi trường và nhiều tác hại khác. Cháy rừng làm thay đổi hệ sinh thái trong quần thể động - thực vật cùng các vi sinh vật, ảnh hưởng đến diễn thế rừng và cấu trúc rừng, thiệt hại về tài nguyên rừng, phá vỡ môi trường sống, gây ra lũ lụt, hạn hán. Phòng cháy, chữa cháy rừng là yêu cầu hết sức cấp thiết trong sự nghiệp phát triển tài nguyên rừng, bảo vệ tính đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, cảnh quan du lịch, nâng cao cuộc sống của cộng đồng dân cư.

Xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR) nhằm chủ động kinh phí, nhân lực, kế hoạch hoạt động và chủ động các biện pháp PCCCR, giúp cho việc theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá và xử lý tình huống một cách hiệu quả nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại do cháy rừng gây ra.

2. Cơ sở xây dựng phương án.

2.1. Căn cứ pháp lý.

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và

chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng;

Căn cứ Chỉ thị số 08/2006/CT-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp cấp bách ngăn chặn tình trạng chặt phá, đốt rừng, khai thác rừng trái phép;

Căn cứ Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp cấp bách phòng cháy chữa cháy rừng;

Căn cứ Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Kết luận số 61-KL/TW ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ về Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 62/2005/TTLT-BTC-BNN&PTNT ngày 04 tháng 8 năm 2005 của Bộ tài chính - Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác phòng cháy, chữa cháy rừng;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng;

Căn cứ Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao diện tích rừng cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh quản lý;

Căn cứ Quyết định số 4857/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt suất đầu tư trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng môi trường cảnh quan trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc Phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững của Ban Quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh, giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc tăng cường các biện pháp cấp bách phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Chỉ thị số 08-CT/HU ngày 23/6/2021 của Huyện ủy Vĩnh Thạnh về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2024 của UBND huyện Vĩnh Thạnh về việc tăng cường các biện pháp cấp bách trong quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2024;

Căn cứ Văn bản số 287/UBND-KL ngày 06/3/2024 của UBND huyện Vĩnh Thạnh về việc xây dựng Phương án Phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2024 - 2030;

Căn cứ điều kiện tự nhiên, khí hậu, tài nguyên rừng, dân sinh kinh tế xã hội hiện nay và kế thừa công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trong thời gian qua.

2.2. Đặc điểm của khu rừng.

2.2.1. Đặc điểm tài nguyên rừng.

a) Rừng tự nhiên.

Ban quản lý rừng phòng hộ hiện đang quản lý 30.170,63 ha thuộc các xã Vĩnh Sơn, Vĩnh Kim, Vĩnh Hảo, Vĩnh Thuận, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Hòa, Vĩnh Quang phía tây giáp huyện Kbang và thị xã An Khê - tỉnh Gia Lai, phía đông giáp huyện An Lão, Hoài Ân, Tây Sơn - tỉnh Bình Định. Diện tích đang giao khoán đến hộ gia đình bảo vệ 21.520,24 ha, phân theo nguồn vốn như sau: Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 14.646,74 ha, Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững 5.027,32 ha, dịch vụ môi trường rừng 1.846,18 ha

b) Rừng trồng.

Năm trồng	Diện tích (ha)	Loài cây trồng, diện tích (ha)				Thảm thực bì
		Hỗn giao: Keo + cây bản địa (Sao, Dầu rái, Cà te)	Thuần loài			
			Keo	Sao đen	Thông	
2002	249,10	249,10				Dây leo, cây bụi, cỏ tranh, lau lách
2004	67,70	67,70				Dây leo, cây bụi, cỏ tranh, lau lách
2006	21,20	21,20				Dây leo, cây bụi, cỏ

						tranh, lau lách
2007	45,9		45,90			Dây leo, cây bụi, cỏ tranh, lau lách
2008	68,92	38,12	26,50		4,30	Dây leo, cây bụi, cỏ tranh, lau lách
2009	146,77	73,80	72,97			Dây leo, cây bụi, cỏ tranh, lau lách
2010	73,19	70,11	3,08			Dây leo, cây bụi, cỏ tranh, lau lách
2011	5,82	5,82				Dây leo, cây bụi, cỏ tranh, lau lách
2012	9,84	9,84				Dây leo, cây bụi, cỏ tranh, lau lách
2013	68,74	9,30		59,44		Dây leo, cây bụi, cỏ tranh, lau lách
2014	55,40	55,40				Dây leo, cây bụi, cỏ tranh, lau lách
2015	74,40	74,40				Dây leo, cây bụi, cỏ tranh, lau lách
2016	20,05	20,05				Dây leo, cây bụi, cỏ tranh, lau lách
2018	12,00	12,00				Dây leo, cây bụi, cỏ tranh, lau lách
2020	10,00	10,00				Dây leo, cây bụi, cỏ tranh, lau lách
2022	49,70		49,70			Dây leo, cây bụi, cỏ tranh, lau lách

2.2.2. Hệ thống đường giao thông, địa hình trên địa bàn.

Địa bàn Ban quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh có nhiều hệ thống đường giao thông, đường mòn, ngày càng được mở thông sâu đến các địa điểm rừng, ngoài ra các diện tích rừng trồng của Ban quản lý trong quá trình thiết kế trồng rừng đã xây dựng các tuyến đường vận chuyển, đường lô rõ ràng, thuận tiện cho việc PCCCR. Tuy nhiên địa hình phức tạp nhiều đồi dốc, khe suối, xa khu dân cư nên khó khăn trong việc huy động lực lượng, phương tiện chữa cháy bằng cơ giới và kịp thời.

2.2.3. Các nguồn nước chính gần nhất có thể phục vụ chữa cháy rừng.

Rừng có nguy cơ cháy cao là diện tích rừng trồng, đa số rừng trồng của Ban quản lý rừng phòng hộ quản lý nằm gần sông suối, các hồ đập của công trình thủy điện và thủy lợi, đây là nguồn nước chính để phục vụ cho công tác chữa cháy rừng tại chỗ.

Các nguồn nước chính gần nhất có thể phục vụ chữa cháy rừng phân theo từng khu vực cụ thể như sau:

Vùng trọng điểm dễ cháy			Diện tích (ha)	Đặc điểm nơi dễ xảy ra cháy	
Xã	Tiểu khu	Khoảnh		Loại rừng	Nguồn nước chính
Vĩnh Sơn	70B	8	10,00	RT	Suối Xoay
	98	2,3,6,8,9, 10,11,13	57,50	RT	Hồ A của thủy điện Vĩnh Sơn
	99	5	11,80	RT	Hồ A của thủy điện Vĩnh Sơn
Vĩnh Kim	100	8	11,20	RT	Sông Kôn
	101	4,5	24,70	RT	Địa hình phức tạp, nguồn nước xa không khả thi để phục vụ chữa cháy
	117A	1,2,3,5	23,65	RT	Suối Nước Dơi
	143	3,5,6	169,61	RT	Hồ chứa nước Định Bình, suối Trà Xom
	146	5,8	108,24	RT	Hồ chứa nước Định Bình, suối Tà Mao
	156	1,2,7	36,96	RT	Hồ chứa nước Định Bình, suối Tà Lăng
Vĩnh Hảo	155	1,3,4,6,7	112,09	RT	Hồ chứa nước Định Bình, suối Đăk Lot
	169	1,2,3,4,5, 6,7	242,17	RT	Hồ chứa nước Định Bình, suối Lùng Ung
	184A	2,3,6	65,07	RT	Hồ chứa nước Định Bình, suối Tà Nang
	184B	1	6,43	RT	Hồ chứa nước Định Bình
	191	5,6	49,70	RT	Suối nước Trang
Vĩnh Thuận	226	3	18,15	RT	Suối Tà Niêng
Vĩnh Hiệp	176A	1,2	20,05	RT	Hồ chứa nước Định Bình, suối Hà Ren
Vĩnh Hòa	236	2,3	35,00	RT	Hồ Hà Nhe

2.3. Những nguy cơ gây cháy rừng.

Do con người dùng lửa thiếu ý thức gây ra cháy rừng như dùng lửa đun nấu trong rừng, ven rừng, xử lý thực bì nương rẫy cũ, chặt củi đốt than, đốt ong, vứt tàn thuốc bừa bãi, đốt vàng mã....; Do yếu tố tự nhiên như sét hoặc bom đạn còn sót lại trong chiến tranh phát nổ dẫn đến cháy rừng.

2.4. Thực trạng công tác phòng cháy và chữa cháy rừng.

2.4.1. Tình hình cháy rừng trong thời gian qua.

Tình hình cháy rừng	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Số vụ	02	Không có	02	01	Không có
Diện tích	28.797 m^2		20.412 m^2	5.695 m^2	
Đặc điểm cháy	Cháy dưới tán		Cháy dưới tán	Cháy dưới tán	
Địa điểm	TK: 191, 211		TK: 201B, 184A	TK: 155	
Trạng thái rừng	TXN, HG1		TXN, rừng trồng	rừng trồng	

2.4.2. Phương tiện, thiết bị, công cụ PCCCR hiện có.

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng	Địa điểm đang quản lý sử dụng
01	Xe ô tô	Chiếc	01	Trụ sở BQLRPH
02	Xe máy	Chiếc	09	Trạm BVR Vĩnh Sơn 03 chiếc; Trạm BVR Tây Nam 02 chiếc; Trạm BVR Đắk Tral 01 chiếc; Trạm BVR Vĩnh Kim 01 chiếc; Trạm BVR K11 01 chiếc, Trạm BVR Hang Hũ 01 chiếc.
01	Máy thổi gió	cái	02	Trụ sở BQLRPH 01cái; Trạm BVR K11 Vĩnh Hảo 01cái.
02	Máy cắt thực bì	cái	01	Trạm BVR Vĩnh Kim
03	Máy cưa xích	cái	01	Trạm BVR Vĩnh Kim
04	Quần, áo, ủng, găng tay và mũ chống lửa	bộ	01	Trạm BVR Vĩnh Kim
05	Bàn dập lửa	cái	04	Trạm BVR Vĩnh Kim 02 cái, Trạm BVR K11 02 cái
06	Bảng nội quy PCCC	bảng	01	Trụ sở BQLRPH

2.4.3. Các giải pháp PCCCR đang áp dụng.

- Xác định thời gian dễ xảy ra cháy rừng trên địa bàn quản lý, dựa vào cấp dự báo cháy rừng ở bảng tin Hạt kiểm lâm, trên trang Website Hệ thống cháy rừng trực tuyến của Chi cục Kiểm lâm tỉnh.

- Xác định vùng trọng điểm cháy rừng ở thực địa và dựa vào Kế hoạch PCCCR xây dựng hàng năm.

- Phân công lực lượng túc trực thường xuyên 24/24 ở các vùng trọng điểm cháy rừng trong thời gian dễ xảy ra cháy rừng.

- Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và kiến thức của cộng đồng về công tác PCCCR. Đóng các bảng cấm lửa tại những nơi có nguy cơ cháy rừng.

- Huấn luyện và diễn tập chữa cháy rừng.

- Xây dựng và duy tu các công trình phòng cháy rừng như đường ranh cản lửa, chòi canh lửa...

2.4.4. Các yếu tố tự nhiên, kinh tế-xã hội ảnh hưởng đến nguy cơ cháy rừng.

Địa bàn Ban quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh đa số là đồng bào dân tộc Ba Na sinh sống từ trước ở ven rừng, trong rừng, tập quán canh tác chủ yếu là sản xuất nương rẫy nên việc phát đốt dọn thực bì diễn ra thường xuyên. Đời sống còn nhiều khó khăn, còn dựa vào rừng như săn bắt chim, thú rừng, đốt ong lấy mật, đốt lau lách tìm kiếm phế liệu và một số hoạt động khác, việc dùng lửa thiếu ý thức cũng là nguyên nhân gây ra cháy rừng.

Phần II:

PHÒNG CHÁY RỪNG

1. Tổ chức lực lượng PCCCR.

1.1. Thành lập Ban chỉ huy PCCCR.

Ban chỉ huy PCCCR của Ban quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh được kiện toàn ngày 04 tháng 01 năm 2024 tại Quyết định số 46/QĐ-BQLRPH gồm 15 đồng chí, trong đó Giám đốc làm trưởng ban - phụ trách chung; Phó giám đốc làm phó ban; các bộ phận chuyên môn và Trạm trưởng các trạm QLBVR là thành viên.

+ Danh sách và số điện thoại của Ban chỉ huy PCCCR:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
01	Trần Phước Phi	Trưởng ban	0974.678.567	
02	Trần Văn Hóa	Phó ban thường trực	0865.877.279	
03	Nguyễn Xuân Thạch	Phó ban	0988.195.456	
04	Nguyễn Thi Hoa Lài	Thành viên	0865.969.379	
05	Lê Thanh Tùng	Thành viên	0868.331.579	
06	Huỳnh Ngọc Sơn Hà	Thành viên	0393.296.377	
07	Đinh Văn Phú	Thành viên	0349.286.878	
08	Nguyễn Văn Thọ	Thành viên	0963.835.349	
09	Phan Công Nhân	Thành viên	0986.023.057	
10	Hồ Văn Chương	Thành viên	0966.987.397	
11	Huỳnh Thiên Tường	Thành viên	0977.007.386	
12	Hồ Ngọc Chim	Thành viên	0984.360.005	

13	Phạm Quốc Kiên	Thành viên	0989.797.990	
14	Từ Công Trí	Thành viên	0352.770.779	
15	Lê Hưng Khá	Thành viên	0969.341.616	

Ban chỉ huy có nhiệm vụ sau:

- Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy rừng. Chú trọng công tác cảnh báo, dự báo cấp nguy cơ cháy rừng trong các tháng cao điểm mùa khô.

- Xây dựng phương án huy động nguồn lực hỗ trợ phòng cháy, chữa cháy rừng ở những khu vực rừng có nguy cơ cháy cao, cháy lớn.

- Chỉ đạo, điều hành việc phối kết hợp giữa các lực lượng bảo vệ rừng ở các tổ bảo vệ rừng trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng. Xây dựng kế hoạch tăng cường kiểm tra liên ngành những khu vực trọng điểm về phá rừng và các khu rừng có nguy cơ cháy cao.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các nội quy, quy định an toàn về phòng cháy chữa cháy rừng và đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm về phòng cháy chữa cháy rừng.

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ để phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy rừng.

- Chủ động phối hợp chặc chẽ với các cơ quan, đoàn thể trên địa bàn huyện và quần chúng nhân dân để tham gia phòng cháy chữa cháy rừng.

- Khi có cháy rừng xảy ra lập tức báo cáo cho Ban chỉ huy PCCCR của huyện đồng thời huy động lực lượng, dụng cụ chữa cháy tại chỗ kịp thời chữa cháy.

1.2. Thành lập các tổ thường trực PCCCR.

Thành lập lực lượng thường trực PCCCR 09 tổ gồm 43 người giao trách nhiệm chính cho đồng chí tổ trưởng, phân công từng tổ phụ trách từng địa bàn cụ thể, các vùng trọng điểm hợp đồng thêm người dân tham gia trực, phân công bố trí các thành viên trực phòng cháy 24/24 giờ trong thời gian cao điểm, canh phòng lửa rừng từng vị trí cho phù hợp.

Huy động nhân dân trên địa bàn tham gia công tác PCCCR và được bồi dưỡng theo chế độ.

+ Danh sách và số điện thoại của các tổ PCCCR:

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Ghi chú
I	**Tổ Vĩnh Sơn**		
01	Nguyễn Văn Thọ	0862.035.567	Tổ trưởng
02	Đinh Minh Nạt	0869.073.845	
03	Nguyễn Đức Hoàng	0366.020.496	
04	Đinh Văn Minh	0383.037.145	
05	Đinh Van	0387.691.042	

06	Đoàn Văn Lưng	0705.902.989	
07	Đinh Văn Buốc	0375.373.864	
08	Trần Quốc Trung	0347.303.522	
09	Đinh Văn Khu	0389.794.396	
10	Đinh Văn Gạo	0967.113.685	
11	Trần Thanh Sắc	0986.963.828	
12	Đinh Cưu	0868.771.468	
13	Đinh Văn Hợi	0373.886.821	
14	Đinh Y Khươn	0387.848.442	
II	**Tổ Vĩnh Kim**		
01	Hồ Văn Chương	0354.658.828	Tổ trưởng
02	Đinh Khuyn	0378.821.519	
03	Đinh Văn Toàn	0335.188.602	
04	Đinh Văn Kính	0982.832.412	
III	**Tổ Đắk Tral**		
01	Phan Công Nhân	0972.622.513	Tổ trưởng
02	Nguyễn Thế Lạc	0965.809.831	
03	Hà Văn Thắng	0399.404.463	
IV	**Tổ K11 – Vĩnh Hảo**		
01	Huỳnh Thiên Tường	0977.007.386	Tổ trưởng
02	Đinh Hàng	0963.279.611	
03	Đoàn Minh Phong	0976.360.157	
04	Đoàn Thanh Diệu	0363.112.358	
05	Đinh Xuou	0334.692.502	
06	Đinh Nương	0359.371.906	
V	**Tổ Vĩnh Hiệp**		
01	Hồ Ngọc Chim	0984.360.005	Tổ trưởng
02	Đỗ Thanh Sang	0976.226.221	
03	Đinh Văn Minh	0969.746.279	
VI	**Tổ M2**		
01	Phạm Quốc Kiên	0988.172.677	Tổ trưởng
02	Nguyễn Mạnh Thương	0339.119.055	
03	Huỳnh Trúc Lăng	0962.480.466	
VII	**Tổ Vĩnh Thuận**		
01	Lê Hưng Khá	0394.937.135	Tổ trưởng
02	Đinh Văn Hoàng	0867.053.787	
03	Trần Văn Dũng	0986.953.753	
VIII	**Tổ Hang Hũ**		
01	Từ Công Trí	0352.770.779	Tổ trưởng
02	Đinh Văn Lâm	0368.842.568	
03	Đinh Minh Tuấn	0397.958.317	
04	Đinh Thế Tuấn	0352.529.300	
IX	**Tổ Tây Nam**		

01	Đinh Văn Phú	0349.286.878	Tổ trưởng
02	Đinh Văn Thành	0356.793.542	
03	Nguyễn Văn Thiền	0346.239.443	

Các tổ thường trực PCCCR có nhiệm vụ sau:

- Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân trong lĩnh vực PCCCR.

- Thường xuyên tuần tra kiểm tra rừng và nhắc nhở, đôn đốc hộ nhận khoán kiểm tra rừng.

- Chủ động phối hợp chặc chẽ với các cơ quan, đoàn thể trên địa bàn và chính quyền địa phương sở tại và quần chúng nhân dân để tham gia PCCCR.

- Khi có cháy rừng xảy ra lập tức báo cáo cho Ban chỉ huy PCCCR của đơn vị, đồng thời huy động lực lượng, dụng cụ chữa cháy tại chỗ kịp thời chữa cháy.

2. Các biện pháp phòng cháy rừng.

2.1. Xác định thời gian dễ cháy rừng trên địa bàn.

Yếu tố khí hậu, thời tiết ảnh hưởng rất lớn đến cháy rừng thông qua mối quan hệ với nguồn vật liệu cháy và các yếu tố khác. Khí hậu miền Trung có hai mùa rõ rệt, mùa mưa từ tháng 8 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 8 năm sau. Huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định thuộc khí hậu miền trung, địa bàn Ban quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh có mùa cháy rừng gắn liền với mùa nắng nóng, thường xảy ra từ tháng 02 đến tháng 8, thời gian cao điểm của mùa cháy rừng từ tháng 3 đến tháng 7, chú ý những ngày nắng gắt vào lúc từ 10 giờ đến 15 giờ hàng ngày.

2.2. Phân vùng trọng điểm dễ cháy rừng:

Rừng trồng rất dễ cháy như rừng trồng Keo, Thông, Sao … thực bì dưới tán rừng thường là các loại Cỏ tranh, Lau lách, Lồ ô tồn tại nhiều lớp qua các đợt chăm sóc tạo thành lớp thảm khô dày dễ bén lửa và nguy cơ cháy là rất lớn, nhất là những diện tích mới được chăm sóc phát thực bì trong năm 2023 và diện tích khai thác tỉa thưa cây phụ trợ; Rừng tự nhiên một số diện tích nhỏ lẻ có nhiều cây lồ ô, dang, le cũng rất dễ bị cháy.

Vị trí vùng trọng điểm dễ cháy			**Diện tích (ha)**	**Đặc điểm nơi dễ xảy ra cháy**	
Xã	**Tiểu khu**	**Khoảnh**		**Loại rừng**	**Vật liệu cháy**
Vĩnh Sơn	70B	8	10,00	RT	thực bì sau khi phát dọn chăm sóc rừng
	98	2,3,6,8,9, 10,11,13	57,50	RT	Lau lách, cành nhánh; lá cây khô

	99	5	11,80	RT	Lau lách, thực bì sau khi phát dọn chăm sóc rừng
Vĩnh Kim	100	8	11,20	RT	Lau lách, cành nhánh sau khi khai thác tỉa thưa
	101	4,5	24,70	RT	Lau lách, cành nhánh sau khi khai thác tỉa thưa
	117A	1,2,3,5	23,65	RT	Lau lách, cành nhánh sau khi khai thác tỉa thưa
	143	3,5,6	162,91	RT	Lau lách, cành nhánh cây khô, thực bì sau khi phát dọn chăm sóc rừng
	146	5,8	108,24	RT	Lau lách, cành nhánh sau khi khai thác tỉa thưa
	156	1,2,7	36,96	RT	Lau lách, cành nhánh sau khi khai thác tỉa thưa
Vĩnh Hảo	155	1,3,4,6,7	112,09	RT	Lau lách, cành nhánh cây khô, thực bì sau khi phát dọn chăm sóc rừng
	169	1,2,3,4,5, 6,7	242,17	RT	Lau lách, cành nhánh; lá cây khô, thảm thực bì khô sau khi phát dọn chăm sóc rừng
	184A	2,3,6	65,07	RT	Lau lách, cành nhánh cây khô, thực bì sau khi phát dọn chăm sóc rừng
	184B	1	6,43	RT	Lau lách, cành nhánh cây khô, thực bì sau khi phát dọn chăm sóc rừng
	191	5,6	49,70	RT	Lau lách, cành nhánh cây khô, thực bì sau khi phát dọn chăm sóc rừng
Vĩnh Thuận	226	3	18,15	RT	Lau lách, cành nhánh; lá cây khô
Vĩnh Hiệp	176A	1,2	20,05	RT	Lau lách, cành nhánh cây khô, thực bì sau khi phát dọn chăm sóc rừng
Vĩnh Hòa	236	2,3	35,0	RT	Lau lách, cành nhánh; lá cây khô

2.3. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và kiến thức của cộng đồng về công tác PCCCR.

Tuyên truyền, giáo dục ý thức, trách nhiệm là một biện pháp được đánh giá có hiệu quả cao nhất hiện nay. Tuyên truyền giáo dục là tác động vào con người, giúp cho người dân thấy được giá trị của rừng và có các biện pháp chủ động PCCCR. Thông qua nhiều hình thức:

+ Hội nghị họp dân phổ cập, quán triệt các văn bản pháp luật, các quy định liên quan đến PCCCR đặc biệt là Luật Lâm nghiệp; Luật Phòng cháy chữa cháy;

Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

+ Xây dựng quy ước, hương ước của thôn bản.

+ Xây dựng Pa nô, áp phích, biển báo, bảng tin, bảng cấm lửa…

+ Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu Luật Lâm nghiệp và PCCCR.

+ Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2.4. Huấn luyện và diễn tập chữa cháy rừng.

Hàng năm các ngành chuyên môn tổ chức tập huấn công tác PCCCR, đơn vị cử lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách và các bộ phận chuyên môn, mỗi địa bàn và mỗi bộ phận từ 01 – 02 đồng chí tham gia tập huấn. Sau mỗi đợt tập huấn đơn vị tổ chức diễn tập ở một số điểm nóng dễ xảy ra cháy rừng nhằm nâng cao năng lực và trình độ chữa cháy cho lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách của đơn vị và nhân dân trên địa bàn.

2.5. Dự báo cháy rừng.

Căn cứ vào mối quan hệ đa chiều giữa các yếu tố thời tiết, nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa và vật liệu cháy để dự tính, dự báo khả năng có thể xảy ra cháy rừng, kịp thời thông tin các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng sâu rộng đến cộng đồng dân cư nhằm đạt hiệu quả cao nhất. Cấp dự báo cháy rừng tính theo công thức các ngày khô hạn của TS. Phạm Ngọc Hưng:

$H_i = K(H_{i-1} + n)$ *Trong đó:* **H_{i-1}** là số ngày khô hạn liên tục không mưa hoặc mưa < 5mm của ngày hôm trước; n : là số ngày khô hạn liên tục không mưa hoặc mưa < 5mm kể từ ngày dự báo tiếp theo của đợt sau; K : là hệ số điều chỉnh giá trị K = 0 nếu lượng mưa $\geq$ 5 mm, K = 1 nếu lượng mưa < 5 mm.

Hi	Cấp dự báo	Mức độ nguy hiểm
1 – 8	I	Ít có khả năng xuất hiện lửa rừng.
9 – 22	II	Có khả năng xuất hiện cháy rừng.
23 – 32	III	Có nhiều khả năng xuất hiện cháy rừng.
33 – 44	IV	Nguy hiểm về cháy rừng.
> 45	V	Cực kỳ nguy hiểm về cháy rừng.

(Theo Quyết định số 229/QĐ-UB ngày 20/11/2002 của UBND tỉnh Bình Định ban hành bản qui định về cấp dự báo cháy rừng và tổ chức thực hiện PCCCR).

2.6. Xây dựng bản đồ PCCCR.

Trên cơ sở xác định vùng trọng điểm cháy rừng tiến hành xây dựng bản đồ PCCCR tỷ lệ 1/50.000 trên toàn diện tích quản lý. Trên bản đồ thể hiện vùng trọng điểm dễ cháy và thể hiện đường băng cản lửa, đường giao thông, đường mòn, ao, hồ, sông suối và một số công trình phục vụ PCCCR khác.

2.7. Biện pháp giảm vật liệu cháy.

Trước mùa cháy rừng, tùy theo tình hình thời tiết, từng loại rừng cụ thể mà quyết định biện pháp đốt trước vật liệu cháy hoặc chuyển vật liệu cháy ra ngoài rừng để làm giảm khối lượng vật liệu cháy có trong rừng, giảm khả năng xảy ra cháy và nếu có thì qui mô, tốc độ không nguy hiểm lắm. Nếu áp dụng biện pháp

đốt trước thì trước khi đốt cần phát dọn dây leo, cành nhánh phía dưới tán cây, thu dọn vật liệu cháy ra khỏi gốc cây để làm giảm thiệt hại cho cây, mặt khác phải thử vài chục mét vuông sau đó căn cứ vào kết quả đốt thử, độ ẩm, vật liệu cháy, địa hình, hướng gió để xây dựng kế hoạch cụ thể mới tiến hành đốt. Tùy thuộc vào điều kiện khí hậu của từng vùng mà bố trí thời gian đốt thích hợp, khi đốt phải đảm bảo đủ lực lượng, phương tiện để khống chế ngọn lửa, đốt xong dập tắt hết lửa mới được ra về.

2.8. Xây dựng các công trình PCCCR.

Đường băng cản lửa, chòi canh lửa, hồ chứa nước .... Đường băng cản lửa thường được xây dựng trong thiết kế trồng rừng và hàng năm thiết kế bổ sung ở các vùng trọng điểm. Chòi canh lửa do nhiều nguyên nhân và kinh phí nên trong thời gian qua đơn vị chỉ xây dựng được 01 cái, mặc khác đối với địa bàn Vĩnh Thạnh không phát huy hiệu quả cao do địa hình có nhiều đồi dốc, khe suối giới hạn tầm quan sát. Hồ chứa nước chủ yếu lợi dụng Hồ đập, sông suối có sẵn gần khu rừng trồng.

2.9. Xác định vị trí sản xuất nương rẫy ven rừng của hộ dân.

Phải xác định rõ ranh giới, cột mốc ngoài thực địa; Sau khi phát dọn thực bì, phải dọn cách xa biên rừng từ 8 - 10 m, đốt thực bì lúc gió nhẹ, vào chiều tối hoặc sáng sớm, từ phía giáp ranh rừng đốt ra và từ trên sườn đồi xuống, khi đốt phải có người canh gác, lực lượng canh gác phải đủ sức cứu chữa khi có cháy lan vào rừng, trước khi đốt phải báo cáo với cơ quan chức năng gần nhất để có kế hoạch, chủ động ứng cứu khi có cháy rừng xảy ra.

3. Trang bị phương tiện và thiết bị phục vụ PCCCR.

3.1. Phương tiện và thiết bị PCCCR.

Do địa hình phức tạp có nhiều đồi núi, khe suối dốc không thể chữa cháy bằng các phương tiện, công cụ, dụng cụ hiện đại mà chủ yếu là dùng sức người và các dụng cụ thô sơ như: Cuốc, Cào, Bàn dập, thùng tưới nước … hoặc dùng cành lá tác động trực tiếp vào đám cháy để chữa cháy rừng.

Trang bị phương tiện và thiết bị phục vụ PCCCR bố trí tại các địa điểm:

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng	Địa điểm quản lý sử dụng
01	Xe ô tô	Chiếc	01	Trụ sở BQLRPH
02	Xe máy	Chiếc	09	Trạm BVR Vĩnh Sơn 03 chiếc; Trạm BVR Tây Nam 02 chiếc; Trạm BVR Đắk Tral 01 chiếc; Trạm BVR Vĩnh Kim 01 chiếc; Trạm BVR K11 01 chiếc, Trạm BVR Hang Hũ 01 chiếc.
03	Máy thổi gió	Cái	02	Trụ sở BQLRPH 01 cái, Trạm BVR K11 Vĩnh Hảo 01 cái

04	Máy cắt thực bì	Cái	01	Trạm BVR Vĩnh Kim
05	Máy cưa xích	Cái	01	Trạm BVR Vĩnh Kim
06	Quần, áo, ủng, găng tay và mũ chống lửa	Bộ	01	Trạm BVR Vĩnh Kim
07	Bàn dập lửa	Cái	04	Trạm BVR Vĩnh Kim 02 cái, Trạm BVR K11 02 cái
08	Bảng nội quy PCCC	Bảng	01	Trụ sở BQLRPH
09	Cuốc	cái	25	Trụ sở BQLRPH, Trạm BVR Vĩnh Sơn: Vĩnh Kim; Đắk Tral; K11; Hang Hũ; Vĩnh Hiệp; M2; Vĩnh Thuận; Tây Nam.
10	Rựa	Cái	25	Trụ sở BQLRPH, Trạm BVR Vĩnh Sơn: Vĩnh Kim; Đắk Tral; K11; Hang Hũ; Vĩnh Hiệp; M2; Vĩnh Thuận; Tây Nam
11	Đèn pin	Cái	55	Trụ sở BQLRPH, Trạm BVR Vĩnh Sơn: Vĩnh Kim; Đắk Tral; K11; Hang Hũ; Vĩnh Hiệp; M2; Vĩnh Thuận; Tây Nam

Bố trí 1 xe ô tô của cơ quan thường trực tại đơn vị để ứng cứu kịp thời.

3.2. Triển khai các công việc phục vụ PCCCR, xây dựng và duy tu; sửa chữa công cụ và công trình PCCCR.

3.2.1. Phục vụ công việc.

+ Hội nghị công tác BVR& PCCCR:

01 lần/năm x 07 năm = 07 lần.

+ Tuyên truyền trực tiếp, gián tiếp:

- Trực tiếp họp dân:

01 lần/tháng/thôn x 32 thôn x 84 tháng = 2.688 lần.

+ Diễn tập, tập huấn nghiệp vụ PCCCR:

01 lần/năm x 07 năm = 07 lần.

+ Hỗ trợ xăng xe tuần tra, kiểm tra rừng hoặc thuê người trực PCCCR trong thời gian cao điểm dễ xảy ra cháy rừng:

215 lít/tháng x 06 tháng/năm x 07 năm = 9.030 lít.

Hoặc thuê: 02 người/tháng x 06 tháng/năm x 07 năm = 84 tháng công.

+ Xây dựng bản đồ phân vùng trọng điểm dễ cháy:

20 tờ/năm x 07 năm = 140 tờ.

3.2.2. Duy tu sửa chữa:

+ Chòi canh lửa:

01 cái x 03 lần/cái = 03 cái.

+ Bảng tin tuyên truyền:

15 bảng x 02 lần/bảng = 30 bảng.

+ Bảng cấp dự báo cháy rừng:

10 bảng x 02 lần/bảng = 20 bảng.

+ Băng cản lửa:

9,55 km/năm x 07năm = 66,85 km.

+ Máy cắt thực bì:

01 cái/lần/năm x 03cái x 07 năm = 21 cái.

+ Máy thổi gió các loại:

01 cái/lần/năm x 02cái x 07 năm = 14 cái.

+ Máy cưa xăng:

01 cái/lần/năm x 04cái x 07 năm = 28 cái.

3.2.3. Trang bị mới:

+ Xây dựng Bảng cấp dự báo cháy rừng: 10 bảng.
+ Máy cưa xăng: 03 cái.
+ Máy cắt thực bì: 02 cái.
+ Bình bơm tay phun nước: 11 cái.
+ Loa cầm tay: 04 cái.
+ Bảng cấm lửa

50 cái/năm x 07 năm = 350 cái.

+ Can đựng nước:

25 cái/năm x 07 năm = 175 cái.

+ Đèn pin:

55 cái/năm x 07 năm = 385 cái.

+ Cuốc:

25 cái/năm x 07 năm = 175 cái.

+ Rựa:

25 cái/năm x 07 năm = 175 cái.

4.3. Nguồn kinh phí thực hiện phương án:

Kinh phí do ngân sách cấp hằng năm và nguồn thu từ tiền cung ứng dịch vụ môi trường rừng và các nguồn thu khác.

Phần III

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG CHÁY RỪNG

1. Tình huống xảy ra cháy rừng (Chủ rừng tự tổ chức chữa cháy).

Lực lượng của tổ PCCCR gồm có 03 người trong lúc tuần tra rừng phát hiện lửa cháy lan từ khu vực canh tác vào rừng trồng. Diện tích đám cháy nhỏ (khoảng 50m2). Thảm thực bì ít, tốc độ lan tràn chậm, chiều cao ngọn lửa nhỏ hơn 1,5m, lực lượng của tổ tiến hành dùng cành cây tươi để dập lửa, đồng thời tổ trưởng điện thoại báo cáo về ban chỉ huy PCCCR của đơn vị và huy động hơn 10 người dân đang sản xuất nương rẫy ở gần hiện trường tham gia chữa cháy. Nhận được tin báo của cơ sở, qua báo cáo nhận định đám cháy nhỏ, lực lượng tại chỗ đủ khả năng để khống chế và dập tắt đám cháy. Nhưng để đảm bảo an toàn tuyệt đối, ban chỉ huy

đã điều động lực lượng của các tổ PCCCR lân cận cùng ban chỉ huy đến hiện trường để tiếp ứng, khoảng 15 phút sau lực lượng tiếp ứng đến hiện trường thì đám cháy đã được dập tắt hoàn toàn.

2. Phương án xử lý tình huống cháy rừng phức tạp nhất.

2.1. Giả định tình huống cháy phức tạp nhất.

Tình huống giả định là vào khoảng 09 giờ, lực lượng phòng cháy chữa cháy rừng của Ban Quản lý phòng hộ Vĩnh Thạnh phát hiện cháy tại khu vực rừng trồng mới vừa khai thác tỉa thưa tại tiểu khu 169. Nhận thấy diễn biến đám cháy phức tạp, thảm thực bì dày, trời hanh khô, lửa lan tràn nhanh, gió mạnh nên dự báo cháy rừng cấp V, cấp cực kỳ nguy hiểm. Trước tình hình cấp bách trên, tổ PCCCR cơ sở báo Ban chỉ huy PCCCR của cơ quan huy động thêm lực lượng nhằm khống chế, dập tắt đám cháy. Trưởng ban Chỉ huy báo cáo tình hình cho trưởng Ban chỉ huy PCCCCR huyện biết nhằm đảm bảo công tác chuẩn bị để sẵn sàng huy động thêm lực lượng kiểm lâm, cảnh sát PCCCC, quân đội khi đám cháy diễn biến phức tạp ngoài tầm kiểm soát của chủ rừng, để kịp thời đưa người và phương tiện vào điểm cháy rừng tiến hành tham gia dập tắt đám cháy.

2.2. Tổ chức triển khai chữa cháy.

+ Nhiệm vụ của người chỉ huy:

- Phân công từng thành viên trong Ban chỉ huy trực tiếp phụ trách từng khâu công việc khác nhau và hướng dẫn kỹ thuật chữa cháy rừng, gồm:

* Tổ chữa cháy rừng trực tiếp: lực lượng từ 10 – 12 người dùng cành cây tươi, bàn dập lửa tấn công trực tiếp vào đám cháy.

* Tổ chữa cháy gián tiếp: lực lượng từ 10 – 12 người dùng máy cưa xích cầm tay, máy cắt thực bì, máy thổi gió, rựa, cuốc làm đường băng cản lửa.

* Tổ dẫn dường các lực lượng tiếp ứng chữa cháy rừng và thông báo cho các phương tiện giao thông không lưu thông qua khu vực đang xảy ra cháy: lực lượng từ 02 – 04 người ở 2 đầu đường giao thông để đón tiếp và dẫn đường cho lực lượng tiếp ứng, đồng thời ngăn chặn các phương tiện giao thông không cho lưu thông qua khu vực đang xảy ra cháy, huy động người đi đường và nhân dân làm nương rẫy xung quanh tham gia chữa cháy.

* Tổ hậu cần: lực lượng cân đối đủ để tiếp ứng thức ăn và nước uống cho lực lượng chữa cháy

Tuy nhiên, đám cháy tiếp tục cháy dữ dội và lan nhanh, trưởng ban báo cáo xin chi viện từ Ban chỉ huy PCCCR huyện, Ban chỉ huy PCCCR huyện đã huy động thêm lực lượng kiểm lâm, quân đội đưa người và phương tiện vào điểm cháy

rừng tiến hành tham gia dập tắt đám cháy, làm băng cản lửa chống cháy lan trên diện rộng, đến 11 giờ 30 phút đám cháy đã được khống chế và dập tắt hoàn toàn.

2.3. Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy

2.3.1. Ký hiệu dùng trong sơ đồ

	Tổ chữa cháy rừng trực tiếp		Tổ dẫn đường
	Tổ chữa cháy gián tiếp		Băng cản lửa
	Đường giao thông		Đám cháy
	Hướng gió		Rừng cây
	Tổ hậu cần, y tế		

2.3.2. Sơ đồ

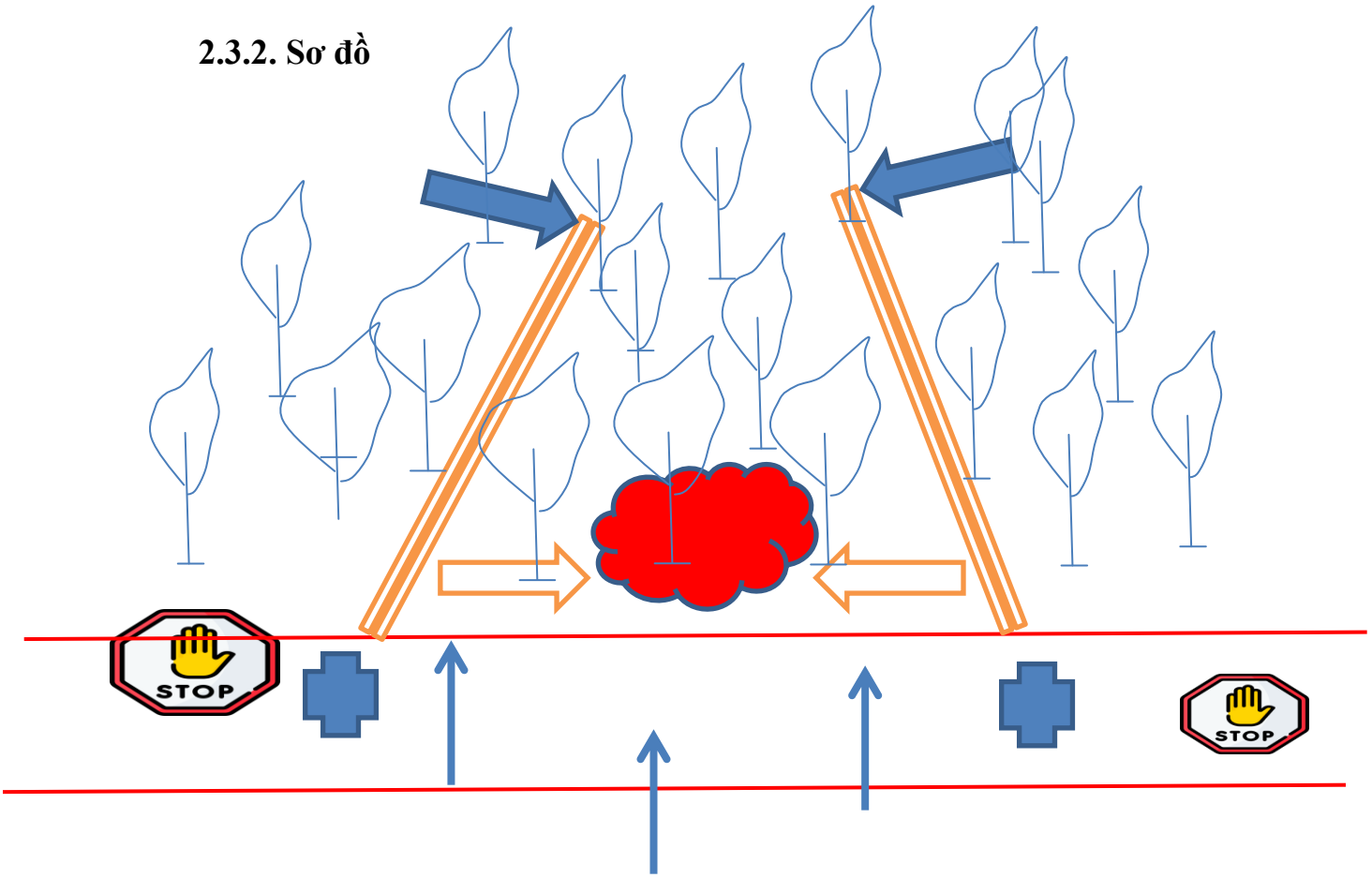

2.4. Báo cáo tình hình cháy rừng

Đối với diện tích rừng bị thiệt hại do cháy, Ban chỉ huy PCCCR, hoặc Trưởng các Trạm có khu vực cháy phân công lực lượng QLBVR chuyên trách

kiểm tra, xác minh hiện trường, đánh giá mức độ thiệt hại về diện tích, loài cây…, báo cáo nhanh về Lãnh đạo để có cơ sở tổng hợp báo cáo lên các cấp có thẩm quyền chỉ đạo và khắc phục hậu quả sau cháy, đồng thời phải phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương để điều tra xác minh: nguyên nhân, đối tượng gây cháy và mức độ thiệt hại do cháy rừng gây ra, lập hồ sơ thủ tục đúng quy định hiện hành và báo cáo lên cấp trên.

2.5. Khắc phục hậu quả do cháy rừng gây ra

Sau khi cháy rừng Ban chỉ huy PCCCR chỉ đạo tiến hành kiểm tra dập tắt hẳn những mầm móng có nguy cơ bùng cháy trở lại, dọn vệ sinh rừng, thu dọn cây gãy ngã đổ, tùy theo mức độ thiệt hại mà có thể chọn phương thức để cho rừng phục hồi hay trồng lại rừng. Khắc phục hậu quả theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 52 Mục 2 Chương IV Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; và Điều 13 Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, quy định về phòng cháy chữa cháy rừng; và một số văn bản có liên quan.

PHẦN IV

BỔ SUNG, CHỈNH LÝ PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY HẰNG NĂM (nếu có thay đổi)

TT	Ngày, tháng, năm	Nội dung bổ sung, chỉnh lý	Thủ trưởng đơn vị

Vĩnh Thạnh, ngày *01* tháng *04* năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ

Trần Phước Phi